

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐÍNH KÈM

Stt	Hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá (vnd/đvt)	Thành tiền (vnd)
1	Sơn EP170(QD)PTA-2263	Lít	14.4		-
2	Sơn ET5660-A-RAL7035	Lít	21.4		-
3	Sơn ET5660-A-9000	Lít	10.7		-
4	Sơn EP170(QD)PTB	Lít	3.6		-
5	Sơn ET5660-B	Lít	74.2		-
6	Sơn ET5660-A-3000(M)	Lít	21.4		-
7	Sơn EP170(QD)PTA-L/GREY	Lít	14.4		-
8	Sơn EP170(QD)PTB	Lít	3.6		-
9	Sơn UT6581-B	Lít	10		-
10	Sơn ET5660-A-G473505(HS)	Lít	10.7		-
11	Sơn QT606-1999	Lít	46		-
12	Sơn UT6581-A-1000	Lít	70		-
13	Sơn UT6581-B	Lít	2		-
14	Sơn ET5660-A-D80680	Lít	85.6		-
15	Hóa Chất XYLENE	Lít	10		-
16	Sơn UT6581-B	Lít	4		-
17	Sơn UT6581-A-1999	Lít	28		-
18	Sơn EP1760-A-1135	Lít	137		-
19	Sơn EP1760-B	Lít	23		-
20	Sơn UT6581-B	Lít	8		-
21	Sơn UT6581-B	Lít	2		-
22	Dung môi 0624	Lít	20		-
23	Sơn UT6581-A-RAL7035	Lít	14		-
24	Sơn EH2351-A-4427	Lít	12.8		-
25	Sơn EH2351-B(S)	Lít	6.4		-
26	Sơn UT6581-A-3000(YELLOW)	Lít	28		-
27	Sơn EH2351-A-4427	Lít	12.8		-
28	Sơn UT6581-A-D40434	Lít	14		-
29	Sơn EP118PTA-CLEAR	Lít	64		-
30	Sơn EP118PTB	Lít	64		-
31	Sơn UT6581-A-I-D40434	Lít	28		-
32	Sơn UT6581-B	Lít	2		-
33	Sơn UT6581-A-I-RAL7035	Lít	14		-
34	Sơn UT6581-B	Lít	4		-
35	Sơn LT313-I-Ral 6010	Lít	18		-
36	Sơn UT6581-A-RAL5012	Lít	14		-
37	Sơn EH2350PTA-1999	Lít	57.6		-
38	Sơn EH2350PTA-1128(OT)	Lít	14.4		-
39	Sơn EH2350PTB	Lít	18		-
40	Sơn UT6581-A-RAL6001 (RX)	Lít	28		-
41	Sơn UT6581-B (2 Lít/ Thùng)	Lít	2		-
42	Sơn ET5660-B	Lít	47.7		-
43	Sơn EP118PTA-CLEAR	Lít	24		-
44	Sơn ET5660-A-3000(M)	Lít	21.4		-
45	Sơn EP118PTB	Lít	24		-
46	Sơn ET5660-B	Lít	10.6		-
47	Sơn ET5660-A-RAL7035	Lít	21.4		-
48	Sơn ET5660-A-D40434	Lít	32.1		-
49	Xăng nhât	Lít	12		-
50	Sơn QT606-9180	Lon	1		-
51	Sơn ET5660-A-G473505(HS)	Lít	42.8		-
52	Dung môi 995C.A-(N)	Lít	4		-
	Tổng				-